

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số **1407/2004/QĐ-NHNN** ngày **01/11/2004** ban hành Quy định về việc công bố công khai báo cáo tài chính đối với Ngân hàng thương mại cổ phần.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/Q11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP

ngày 05/11/2002 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc công bố công khai báo cáo tài chính đối với Ngân hàng thương mại cổ phần”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có các ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng thương mại cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Trần Minh Tuấn

QUY ĐỊNH về việc công bố công khai báo cáo tài chính đối với Ngân hàng thương mại cổ phần

(ban hành kèm theo Quyết định số 1407/2004/QĐ-NHNN ngày 01/11/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Ngân hàng thương mại cổ phần được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng phải thực hiện việc công bố công khai báo cáo tài chính theo Quy định này.

2. Mục đích của công bố công khai báo cáo tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần nhằm giúp các nhà đầu tư, các khách hàng nắm được thực trạng hoạt động từng ngân hàng để có cơ sở đánh giá, xem xét đặt các quan hệ kinh tế, giao dịch với Ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Nội dung thông tin trong các báo cáo tài chính mà Ngân hàng thương mại cổ phần phải công khai được quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kỳ kế toán* là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính. Kỳ kế toán gồm kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng và được quy định như sau:

a) Kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch;

b) Kỳ kế toán quý là 3 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý;

c) Kỳ kế toán tháng là một tháng, tính từ đầu ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng.

2. *Chế độ kế toán* là những quy định hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành.

3. *Chuẩn mực kế toán* gồm những nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

4. *Đơn vị tính sử dụng trong kế toán*: Đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”). Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh là ngoại tệ, phải ghi theo nguyên tệ và đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh, trừ

0638495
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSofit

trường hợp pháp luật có các quy định khác; đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam.

5. Báo cáo tài chính:

a) Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

b) Báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần, gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

c) Báo cáo tài chính phải được người lập, Kế toán trưởng và Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng thương mại cổ phần ký, đóng dấu. Người ký, đóng dấu trên báo cáo tài chính phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Loại báo cáo tài chính và nội dung các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính mà Ngân hàng thương mại cổ phần công bố công khai

1. Nội dung thông tin trong báo cáo tài chính mà Ngân hàng thương mại cổ phần công bố công khai hàng quý là Bảng cân đối kế toán quý (Biểu mẫu số 1). Tùy theo điều kiện và tình hình thực tế, các Ngân hàng thương mại cổ phần tự quyết định việc công bố công khai nội dung thông tin trong báo cáo tài chính quý.

2. Nội dung thông tin trong báo cáo tài chính mà Ngân hàng thương mại cổ phần công bố công khai hàng năm là Bảng cân đối kế toán năm và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu mẫu số 2). Các Ngân hàng thương mại cổ phần phải công bố công khai nội dung thông tin trong báo cáo tài chính năm.

Đối với báo cáo tài chính năm của Ngân hàng thương mại cổ phần khi công bố công khai phải kèm theo kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

3. Đối với các Ngân hàng thương mại cổ phần đã niêm yết trên Thị trường chứng khoán thì ngoài việc công bố công khai các thông tin theo Quy định này, còn phải công bố công khai những thông tin khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 4. Hình thức và thời hạn thực hiện

1. Hình thức công bố thông tin: Ngân hàng thương mại cổ phần phải công bố công khai các thông tin trong báo cáo tài chính năm tại nơi đặt trụ sở chính và các

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-9-3645 6684 *
06384495

địa điểm hoạt động; trên báo trung ương và báo địa phương 3 số liên tiếp. Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần tự quyết định việc công bố công khai các thông tin trong báo cáo tài chính trên Website; dưới hình thức phát hành ấn phẩm (báo cáo thường niên...); thông báo bằng văn bản tới các cơ quan quản lý Nhà nước; công bố thông tin dưới hình thức họp báo; công bố thông tin trên đài phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương.

2. Thời hạn công bố công khai báo cáo tài chính:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần phải công bố công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần được tự lựa chọn hình thức và thời hạn công bố công khai các thông tin trong báo cáo tài chính quý.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố công khai báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần phải gửi bản chính hoặc bản chụp có xác nhận sao y bản chính đối với các bản báo cáo tài chính đã công bố công khai đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Các Ngân hàng và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước).

4. Ngân hàng thương mại cổ phần có

trách nhiệm trả lời chất vấn khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước, cổ đông, các khách hàng, và bạn hàng về các nội dung thông tin đã công bố công khai.

Điều 5. Các quy định về công bố thông tin

1. Ngân hàng thương mại cổ phần phải công bố thông tin chính xác và phản ánh đúng thực trạng về tình hình tổ chức và hoạt động của Ngân hàng.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần không được công bố thay đổi nội dung thông tin đã công bố về thực trạng tổ chức và hoạt động của Ngân hàng mà chưa có lý do giải thích chính đáng và được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính đồng ý bằng văn bản.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần không được công bố thông tin trái ngược

Điều 6. Các trường hợp chậm hoặc hoãn công bố thông tin

1. Trong trường hợp việc công bố thông tin trong báo cáo tài chính không thể thực hiện đúng thời hạn, Ngân hàng thương mại cổ phần phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính trong đó nêu rõ lý do không thể thực hiện việc công bố thông tin đúng thời hạn và thời hạn dự kiến sẽ thực hiện việc công bố thông tin để trình Thống đốc Ngân hàng

0638295
www.TinVienPhapLuat.com
Tel: +848-3845 6684
LawSoft

Nhà nước xem xét, quyết định. Chỉ khi được sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng thương mại cổ phần mới được thực hiện việc chậm công bố thông tin.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét và chấp thuận việc không công bố hoặc tạm hoãn việc công bố thông tin trong báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần khi:

a) Thông tin có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, lợi ích quốc gia và an toàn của hệ thống ngân hàng;

b) Thông tin có thể làm lộ bí mật kinh doanh, làm tổn hại đến Ngân hàng thương mại cổ phần;

c) Thông tin có thể gây hiểu lầm và ảnh hưởng đến lợi ích của người đầu tư.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố: Đơn đốc và yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần có trụ sở chính trên địa bàn thực hiện việc công bố công khai báo cáo tài chính năm theo đúng quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

a) Hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố, Ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện Quy định này.

b) Đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến việc công bố công khai các báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xây dựng quy định về xử phạt hành chính và xử lý các hành vi vi phạm của các Ngân hàng thương mại cổ phần về việc công bố công khai thông tin trong các báo cáo tài chính nêu tại Điều 5 Quy định này.

3. Các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước những vấn đề liên quan đến việc Ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện công bố công khai báo cáo tài chính.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Quy định này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Trần Minh Tuấn

Tên đơn vị.....

Biểu mẫu số 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ

..... Ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tính

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
I. Tiền mặt tại quỹ		
II. Tiền gửi tại NHNN		
III. Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài		
IV. Cho vay các TCTD khác		
1. Cho vay các TCTD khác		
2. Dự phòng phải thu khó đòi		
V. Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
1. Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
2. Dự phòng phải thu khó đòi		
VI. Các khoản đầu tư		
1. Đầu tư vào chứng khoán		
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		
VII. Tài sản có khác		
Tổng cộng tài sản		
I. Tiền gửi của KBNN và TCTD khác		
1. Tiền gửi của KBNN		
2. Tiền gửi của TCTD khác		
II. Vay NHNN, TCTD khác		
1. Vay NHNN		
2. Vay TCTD trong nước		
3. Vay TCTD ở nước ngoài		
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		
III. Tiền gửi của TCKT, dân cư		
IV. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư		
V. Phát hành giấy tờ có giá		
VI. Tài sản nợ khác		
VII. Chênh lệch thu - chi		
Tổng cộng nguồn vốn		

Lập bảng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên đơn vị.....

Biểu mẫu số 2

**Bảng cân đối kế toán năm và
báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

..... Ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tính

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
I. Tiền mặt tại quỹ		
II. Tiền gửi tại NHNN		
III. Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài		
IV. Cho vay các TCTD khác		
1. Cho vay các TCTD khác		
2. Dự phòng phải thu khó đòi		
V. Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
1. Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
2. Dự phòng phải thu khó đòi		
VI. Các khoản đầu tư		
1. Đầu tư vào chứng khoán		
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		
VII. Tài sản		
1. Tài sản cố định (nguyên giá, hao mòn TSCĐ)		
2. Tài sản khác		
VIII. Tài sản có khác		
1. Các khoản phải thu		
2. Các khoản lãi cộng dồn dự thu		
3. Tài sản có khác		
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác		
Tổng cộng tài sản		
I. Tiền gửi của KBNN và TCTD khác		
1. Tiền gửi của KBNN		
2. Tiền gửi của TCTD khác		
II. Vay NHNN, TCTD khác		
1. Vay NHNN		

09638495

	Kỳ này	Kỳ trước
2. Vay TCTD trong nước		
3. Vay TCTD ở nước ngoài		
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		
III. Tiền gửi của TCKT, dân cư		
IV. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư		
V. Phát hành giấy tờ có giá		
VI. Tài sản nợ khác		
VII. Vốn và các quỹ		
1. Vốn điều lệ		
2. Quỹ của NHCP		
Tổng cộng nguồn vốn		

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

- I. Cam kết bảo lãnh cho khách hàng
- II. Các cam kết giao dịch hối đoái
- III. Cam kết tài trợ cho khách hàng
- IV. Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang quản lý tại công ty
- V. Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang giao cho khách hàng thuê

Kết quả kinh doanh

- I. Tổng thu nhập và tổng chi phí
- II. Lợi nhuận trước thuế
- III. Lợi nhuận sau thuế
- V. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật
- VI. Mức cổ tức trả cho cổ đông
- VII. Thu nhập của cán bộ nhân viên Ngân hàng.

Lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)